

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA LƯƠNG CƯ, BÒ SÁT Ở VÙNG SÔNG TẢ TRẠCH TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

LÊ NGUYỄN NGẬT, TRẦN THANH TÙNG
Khoa Sinh - KTNN, Trường ĐHSPh Hà Nội

I. MỞ ĐẦU

Sông Tả Trạch là một trong hai nhánh của thượng nguồn sông Hương, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Vùng này chủ yếu là rừng thứ sinh không liên tục, cây cao dưới 10m và rừng trồng chủ yếu là keo và bạch đàn, xen kẽ có các nhà dân và các trang trại nhỏ trồng cà phê, cam, chanh, cao su, lúa nước, các rừng này đã bị khai thác một phần, đất đai khô cằn thường gây ra lũ lụt. Hiện tại Tỉnh Thừa Thiên- Huế đang có dự án đắp đập, biến sông Tả Trạch thành một hồ lớn chứa hàng trăm triệu m³ nước nhằm hạn chế lũ lụt và điều tiết nước cho vùng hạ lưu, trong đó có thành phố Huế.

Khu vực nghiên cứu giáp với huyện Hương Thủy (Thừa Thiên - Huế) Huyện Hiên (Quảng Nam); huyện Hòa Vang (Đà Nẵng) và Vườn Quốc gia Bạch Mã.

Chúng tôi tiến hành khảo sát Lương cư, Bò sát ở đây nhằm phát hiện tối đa thành phần loài, xác định những sinh cảnh chính có liên quan tới lương cư và bò sát, tìm hiểu mối liên quan giữa các loài lương cư, bò sát với một số yếu tố môi trường và phân nào những tác động ảnh hưởng tới tính đa dạng của Lương cư, Bò sát.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Thời gian nghiên cứu

Chúng tôi đã tiến hành hai đợt khảo sát: Đợt 1 từ 21/5/2003 đến 31/5/2003; Đợt 2: từ 25/7/2003 đến 13/8/2003.

Các tuyến khảo sát chính:

Từ Thị trấn Khe Tre (16° 15' 22,1" vĩ độ Bắc; 107° 38' 40,5" kinh độ Đông) đến xã Hương Sơn, trạm kiểm lâm La Hy, Thác Mơ, thôn Phú Mậu, xã Hương Phú.

Từ trạm kiểm lâm Bãi Gạo (16° 15' 4,1" vĩ độ Bắc; 107° 40' 8,8" kinh độ Đông) đến khu vực ruộng nước, cự ly 0,5 km đến 1km; từ Bãi Gạo đi dọc đường ô tô về phía thượng nguồn khoảng 2km đến 3km, đến bản Vân Kiều I 0,5km và bản Vân Kiều II khoảng 4km; đến trạm kiểm lâm La Ma.

Từ Trạm kiểm lâm La Ma (16° 12' 57" vĩ độ Bắc; 107° 40' 1,1" kinh độ Đông) đến trang trại trồng cà phê, chanh, cam và một hồ nhỏ cách trạm khoảng 1 km; đi dọc sông Tả Trạch cách trạm khoảng 4 km đến 5 km; đi dọc suối La Ma khoảng 3km đến 4 km; đến khu đồi cách trạm La Ma 1 đến 2 km; đến khu vực rừng thứ sinh khoảng 4 km đến 5 km.

Từ trạm kiểm lâm Hai Nhánh (16° 17' 12,3" vĩ độ Bắc; 107° 38' 21,5" kinh độ Đông) đến Thác Mít; đồi Bộ đội, núi 57 cách trạm khoảng 3 km; dọc sông Tả Trạch đến làng Hai và đồi Đá Đen cách trạm khoảng 5 km đến khu vực ruộng nước và vườn đồi khoảng 1 km đến 2 km; đến khu vực rừng trồng ở sau trạm.

Trên mỗi tuyến chúng tôi vừa khảo sát điều kiện của môi trường vừa thu bắt các mẫu Lương cư, Bò sát. Mặt khác kết hợp khảo sát với điều tra qua dân địa phương về tình hình săn bắn động vật nói chung và các loài Lương cư, Bò sát có giá trị nói riêng, số mẫu thu được cùng với đặc điểm của vùng cảnh quan được chụp ảnh làm tư liệu.

Để xác định thành phần loài chúng tôi dựa vào khóa định loại của Đào Văn Tiến[5]; ER - MiZHa and Kraig Adler [6] và những tài liệu liên quan khác. Khi lập danh sách chúng tôi có tham khảo kết quả nghiên cứu của những tác giả trước khảo sát trên cùng một khu vực.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Về thành phần loài

Dựa vào kết quả khảo sát, điều tra và phỏng vấn chúng tôi đã xác định được 14 loài Lưỡng cư thuộc 5 họ, 1 bộ và 26 loài Bò sát thuộc 10 họ, 2 bộ chiếm 10,08 % số loài Lưỡng cư và 17,02% số loài Bò sát ở Việt Nam. Trong đó số họ có 1 loài: họ Cóc, họ Nhái bén, họẾch cây, họ Kỳ đà, họ Thần lằn chính thức, họ Trăn, họ Rắn lục và họ Ba ba; Các họ có từ 2 đến 4 loài gồm: họ Nhái bầu; họ Tắc kè, họ Thần lằn bóng, họ Rắn hổ, họ Rùa đồng; những họ có nhiều loài gồm: họẾch (9 loài) họ Rắn nước (7 loài) giống có nhiều loài là giống Rana (5 loài) các giống còn lại chỉ còn 1 đến 2 loài (bảng 1).

Theo A Preliminary Environmental Impact assessment (EIA) of the proposed dam was conducted by the Center for Applicable Hydrology and Environmental Engineering (CAHENE) in early 2002 and recommended the preparatim of a comprehensive EIA... thì vùng nghiên cứu còn thêm 16 loài nữa: *Amphiesma ruchalis*; *Amphiesma parallela*; *Calamaria pavimentata*; *Elaphe frenata*; *Elaphe mandarina*; *Elaphe taeniura*; *Natrix percarinata*; *Pareas carinatus*; *Pareas macularius*; *Ptyas mucosus*; *Trirhinopholis nuchalis*; *Calliophis kelloggi*; *Platysternum megacephalum*; *Manouria impressa*; *Pelochelys bibroni*; *Palea steindachneri*.

Thực tế, số loài lưỡng cư, bò sát ở đây còn nhiều hơn vì thời gian, địa điểm, số người, số lần tham gia khảo sát chưa nhiều.

Bảng 1: Thành phần loài Lưỡng cư, Bò sát ở vùng sông Tả Trạch, Tỉnh Thừa Thiên - Huế

TT (1)	Tên Việt Nam (2)	Tên Khoa học (3)	Mẫu (4)	Điều tra (5)	Quan sát (6)	Môi trường (7)
	LỚP LƯỠNG CƯ	AMPHIBIA				
	BỘ LƯỠNG CƯ KHÔNG ĐUÔI	ECAUDATA				
	1. Họ Cóc	Bufonidae				
1.	Cóc nhà	<i>Bufo melanostictus</i>	+			Vườn
	2. Họ Nhái bén	Hylidae				
2.	Nhái bén dính	<i>Hyla annectans</i>	+			Ruộng nước
	3. HọẾch	Ranidae.				
3.	Ếch đồng	<i>Hoplobatrachus rugulosus.</i>	+			Ruộng nước
4.	Ếch trơn	<i>Limnnectes kuhlii</i>			+	Bờ suối
5.	Ngóc (nhái)	<i>Limnnectes limnocharis</i>	+			Ruộng nước
6.	Cóc nước sần	<i>Occidozyga lima</i>	+			Ruộng nước
7.	Chàng Anderson	<i>Rana andersony</i>			+	Bờ suối
8.	Châu chuộc	<i>Rana guentheri</i>	+			Ruộng nước
9.	Chàng hiu	<i>Rana macrodactyla</i>			+	Vườn đôi
10.	Ếch suối	<i>Rana nigrovittata</i>	+			Ven suối
11.	Chàng Đài Bắc	<i>Rana taipehensis</i>			+	Ven suối
	4. HọẾch cây	Rhacophoridae				

12.	Chấu chàng (Ếch cây mép trắng) 5. Họ Nhái bầu	<i>Polypedates leucomystax</i> Microhylidae.	+			Ruộng nước
13.	Nhái bầu hoa	<i>Microhyla ornata.</i>	+			Ruộng nước
14.	Nhái bầu vân.	<i>Microhyla pulchra.</i>	+			Ruộng nước
LỚP BÒ SÁT		REPTILIA				
PHÂN BỘ THẦN LẦN		LACERTILIA.				
6. Họ Tắc kè		Gekkonidae.				
15.	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i>		+	+	Rừng thứ sinh nhà dân
16.	Thạch sùng đuôi sần 7. Họ Nhông	<i>Hemidactylus frenatus.</i> Agamidae.	+			
17.	Ô rô vảy	<i>Acanthosaura lepidogaster</i>			+	Vườn đôi
18.	Nhông xanh	<i>Calotes versicolor.</i>	+			Vườn đôi
19.	Rồng đất (tò te) 8. Họ Kỳ đà	<i>Physignathus cocincinus.</i> Varanidae.	+			Ven suối
20.	Kỳ đà hoa. 9. Họ Thần lằn bóng	<i>Varanus salvator.</i> Scincidae.		+		Bờ suối
21.	Thần lằn bóng đuôi dài	<i>Mabuya longicaudata</i>			+	Vườn đôi
22.	Thần lằn bóng hoa 10. Họ Thần lằn chính thức	<i>Mabuya multifasciata</i> Lacertidae.			+	Vườn đôi
23.	Liu điu chỉ PHÂN BỘ RẮN	<i>Takydromus sexlineatus</i> OPHIDIA			+	Vườn đôi
11. Họ Trăn		Boidae				
24.	Trăn đất 12. Họ Rắn nước	<i>Python molurus</i> Colubridae.		+		Rừng thứ sinh
25.	Rắn sãi thường	<i>Amphiesma stolata</i>			+	Ruộng nước
26.	Rắn leo cây	<i>Dendrelaphis pictus</i>			+	Ven đôi
27.	Rắn bông Trung Quốc	<i>Enhydris chinensis</i>	+			Ruộng nước
28.	Rắn bông chì	<i>Enhydris plumbea.</i>	+			Ven đường
29.	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros.</i>			+	Vườn nhà
30.	Rắn hoa cỏ vàng	<i>Rhabdophis chrysagus</i>	+			Bờ tre
31.	Rắn hoa cỏ nhỏ 13. Họ Rắn hổ	<i>Rhabdophis subminiatus</i> Elapidae.	+			Vườn
32.	Rắn cạp nia nam	<i>Bungarus candidus.</i>		+		Ruộng nước
33.	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus.</i>		+		Ruộng nước
34.	Rắn hổ mang	<i>Naja naja</i>			+	Vườn nhà
35.	Rắn hổ chúa 14. Họ Rắn lục	<i>Ophiophagus hannah.</i> Viperidae.		+		Rừng trồng
36.	Rắn lục mép BỘ RÙA	<i>Trimeresurus albolabris.</i> TESTUDINATA.		+		Rừng thứ sinh
15. Họ Rùa đầm		Emydidae.				
37.	Rùa hộp trán vàng	<i>Cistoclemmys galbinifrons</i>	+			Rừng thứ sinh
38.	Rùa đất sêpôn	<i>Geoemyda tseponensis.</i>	+			Rừng thứ sinh
39.	Rùa sa nhân 16. Họ Ba ba	<i>Pyxidia mouhoti</i> Trionychidae.		+		Rừng thứ sinh
40.	Ba ba trơn	<i>Pelodiscus sinensis.</i>		+		Sông

2. Các loài quý hiếm

Trong danh sách ở bảng 1 có 8 loài được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam, 2000 và 2 loài được ghi trong Danh Lục Đỏ IUCN (bảng 2)

Bảng 2: Các loài lưỡng cư, bò sát quý hiếm

SốTT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Theo Sách Đỏ Việt Nam	Theo IUCN
1	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i>	T	
2	Rồng đất (Tòe)	<i>Physignathus cocincinus</i>	V	
3	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>	V	
4	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i>	T	
5	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	V	LR
6	Hổ mang	<i>Naja naja</i>	T	
7	Hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	E	
8	Rùa hộp trán vàng	<i>Cistoclemmys galbinifrons</i>	V	CR

3. So sánh một số loài lưỡng cư, bò sát ở vùng nghiên cứu với một số vùng lân cận (bảng 3)

Bảng 3: Thành phần loài lưỡng cư, bò sát ở vùng nghiên cứu và một số vùng lân cận.

Địa điểm	Lớp Lưỡng cư	Lớp bò sát	Tác giả, năm nghiên cứu
Vùng sông Tả Trạch	14 loài, 5 họ, 1 bộ	26 loài, 11 họ, 2 bộ	Lê Nguyên Ngật, Trần Thanh Tùng, 2003
Vườn Quốc gia Bạch Mã	19 loài, 5 họ, 1 bộ	30 loài, 10 họ, 2 bộ	Ngô Đắc Chứng 2002.
Bà Nà Hòa Vang (TP.Đà Nẵng)	28 loài, 6 họ, 1 bộ	51 loài, 11 họ, 2 bộ	Lê Vũ Khôi, Nguyễn Văn Sáng 2003
Tây Quảng Nam	22 loài, 6 họ, 1 bộ	44 loài, 13 họ, 2 bộ	Lê Nguyên Ngật, Nguyễn Văn Sáng 1999

Như vậy, thành phần loài ở đây so với các vùng lân cận là ít, vì diện tích rừng tự nhiên (nhất là rừng nguyên sinh ít) điều kiện tự nhiên khắc nghiệt (đất đai cằn cỗi khô nóng, diện tích các vực nước ít). Mặt khác, như trên đã nói thời gian khảo sát, điều tra chưa nhiều.

4. Phân bố

Nhìn chung các loài lưỡng cư chỉ phân bố ở gần khu vực nước: Sông, suối, đầm, hồ, ruộng nước, hoặc những nơi đất ẩm. Mặt khác, chúng tập trung nhiều hơn ở những nơi có động vật nhỏ, nhất là sâu bọ vì đó là nguồn thức ăn của chúng. Trong nhà dân, vườn quanh nhà thường gặp cóc nhà, trong các ruộng nước có cóc nước sần, châu chuộc, ngóc, châu chàng, ếch đồng, nhái bầu vân, nhái bầu hoa, dọc sông có ếch suối, ngóc, châu chàng, đôi khi nghe thấy tiếng kêu của châu chuộc và ếch đồng.

Các loài bò sát có vùng phân bố rộng hơn; Thạch sùng đuôi sần có trong nhà dân và gốc cây quanh nhà; nhông xanh thu được ở cách trạm La Ma 1,5km, Rồng đất có ở khe La Ma (dân thu); Rắn bông Trung Quốc; Rắn nước, Rắn bông chì nằm ở trong ruộng lúa nước; Liu điu chỉ thu được ở trạm kiểm lâm số 6 (Bạch Mã), Kỳ đà hoa có ở dọc sông Tả Trạch và suối La Ma nơi có bờ đá và nhiều cây gỗ xanh tốt. Theo dân kể Trăn có ở rừng lau, cây bụi. ở bản Vân Kiều I và Vân Kiều II có Rắn ráo và Rắn hổ chúa, rùa hộp trán vàng (rùa mây) dân thu được ở cách trạm Bãi Gạo 5 đến 10 km.

Cũng như nhiều khu rừng khác ở Việt Nam lưỡng cư, bò sát ở đây bị săn bắt làm thức ăn hoặc buôn bán, nhất là những loài có giá trị thương phẩm cao như các loài rùa, ba ba, trăn, rắn hổ chúa, hổ mang, kỳ đà, tắc kè... Hơn nữa rừng bị tác động mạnh do chặt, đốt phá rừng, trồng rừng, canh tác, khai thác các loại lâm sản... nên tuy số loài so với trước đây chưa có bằng chứng về sự suy giảm, nhưng số lượng cá thể giảm đi rõ rệt. Theo điều tra thì những năm gần đây việc tìm bắt động vật rất khó và chỉ bắt được những cá thể cỡ nhỏ.

IV. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu chúng tôi đã xác định được ở vùng sông Tả Trạch (Thừa Thiên - Huế) có 14 loài lưỡng cư thuộc 5 họ, 1 bộ (chiếm 10,08% số loài hiện biết ở Việt Nam) và 26 loài bò sát thuộc 11 họ, 2 bộ (chiếm 17,02% số loài hiện biết ở Việt Nam), trong đó có 8 loài được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam và 2 loài được ghi trong Danh Lục Đỏ IUCN. Thành phần loài ở đây chưa nhiều do điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho nhiều loài lưỡng cư, bò sát, và rừng luôn bị tác động do hoạt động nhiều mặt của con người. Mặt khác, một số loài có giá trị thương phẩm, dược liệu vẫn thường xuyên bị săn bắt. Do vậy, số loài được phát hiện ở đây chưa phản ánh đầy đủ thành phần loài lưỡng cư, bò sát hiện có.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường. *Sách Đỏ Việt Nam-phân động vật*. NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 2000.
2. Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật. *Supplementary Environmental Impact assesment of the Ta Trach Proposed resevoir*, Thừa Thiên - Huế, Vietnam, 2003 (Tài liệu lưu hành nội bộ).
3. Lê Nguyên Ngật, Nguyễn Văn Sáng. *Kết quả khảo sát bước đầu hệ Éch nhái - Bò sát ở rừng Tây Quảng Nam*. Tạp chí Sinh học 21(1), 1996, trang 11-16.
4. Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc. *Danh lục bò sát và ếch nhái Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 1996, 264 trang.
5. Đào Văn Tiến. *Khóa định loại Lưỡng cư, Bò sát Việt Nam*, 1977 - 1982.
6. Herpetology of china ER - MiZ Hao and Krai Adler Published in 1993, by society for the study of Amphibians and Reptiles.

SUMMARY

A SURVEY ON AMPHIBIANS AND REPTILES OF THE TA TRACH RIVER IN THUA THIEN - HUE PROVINCE

LE NGUYEN NGAT, TRAN THANH TUNG

Have been determined 14 amphibian species (10.08% of amphibian species in Vietnam), belonging to 5 families, 1 order (Ecaudata); and 26 reptile species (17.02 % of reptile species in Vietnam), belonging to 11 families, 2 orders (Squamata and Testudinata) 8 of the determined species are listed in the determined species are listed in the Red Book of Vietnam (2000):

Gekko gecko; Physignathus cocincinus; Varanus salvator; Ptyas korros; Python molurus; Naja naja; Ophiophagus hannah; Cistoclemmys galbinifrons.

2 species are listed in the IUCN Red list (2000): P.molurus; C.galbinifrons.

Butterflies of the oriental Region. Journal